

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ VỊ THANH  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 24 - 07 - 2024  
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Lâm Quang Tâm
- Ông Trần Thanh Nhân

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lý Sơn Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 và Thông báo số: 25/TB-TA ngày 10/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Khương Thị P, sinh năm 1959.

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông Dương Văn M, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Hẻm B, khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Thị Đ, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Hẻm B, khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn bà P có mặt, bị đơn ông M vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đ xin vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

*Nguyên đơn Khương Thị P trình bày:* Bà và Dương Văn M có tổ chức đám cưới và chung sống vợ chồng với nhau từ năm 1982. Sau khi về chung sống thì bà có nghe ông M nói trước khi cưới bà thì ông M có cưới và ở như vợ chồng với một người phụ nữ và có con chung, nhưng bà không hỏi rõ cụ thể như thế nào (sau này mới biết là bà Mai Thị Đ). Bà và ông M sau khi kết hôn thì ông M ở rể bên nhà bà, đến năm 1984 thì sinh được người con đầu tiên Nguyễn Hoàng V (đã chết ngày 6 tháng 3 năm 2014) và đến năm 1986 khi mang bầu con thứ hai Nguyễn Chí T thì bà và ông M đã phát sinh mâu thuẫn, sau khi sinh T được vài tháng thì ông M bỏ nhà đi luôn đến nay. Bà và ông M chỉ chung sống được với nhau khoảng 04-05 năm và không có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Từ năm 1986, ông M bỏ đi đến nay, không còn liên lạc gì với bà và ông M cũng không về thăm mon, chăm lo cho các con, nên thực tế hiện nay bà và ông M không còn chung sống như vợ chồng. Sau này, bà mới biết ông M bỏ đi là quay về sống chung lại với vợ trước bà Mai Thị Đ. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn hay không công nhận là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Bà và ông M có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng V sinh năm 1984 (đã chết) và Nguyễn Chí T, sinh năm 1986 (nhưng khai sinh để năm 1989). Do sau khi ông M bỏ đi, bà không muốn ông M quay về nhận con và không có giấy kết hôn, nên các con đều mang họ ngoại là “Nguyễn”. Nay con đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết con chung.

Về tài sản: Do ông M về ở rể bên nhà bà được vài năm thì bỏ đi luôn đến nay, nên giữa bà và ông M trong quá trình chung sống không có tạo lập được khối tài sản chung. Nay không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Dương Văn M:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho ông M. Nhưng ông M lớn tuổi bị bệnh không thể đi lại nên không đến Tòa án để có ý kiến trình bày.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị Đ trình bày:* Bà và ông Dương Văn M có tổ chức đám cưới và chung sống vợ chồng từ năm 1981 đến khoảng năm 1983 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang (cũ). Trong quá trình chung sống vợ chồng sinh hoạt trên ghe bán lá lợp nhà thường xuyên lưu động nhiều nơi, do bị tai nạn nên các giấy tờ tùy thân và giấy kết hôn đều thất lạc. Do Ủy ban nhân dân xã khi chia tách đơn vị hành chính không có lưu hồ sơ nên mới làm thủ tục đăng ký kết hôn lại vào năm 2010. Bà và ông M chung sống có con chung lớn tên Dương Văn H sinh năm 1983, lúc này gia đình ông M bắt ông M về cưới vợ khác là bà Khương Thị P. Ông M và bà P chung sống có 02 người con chung, vào năm 1986 khi sinh người con thứ hai được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn nên ông M quay về

chung sống lại với bà. Sau đó, bà và ông M sinh thêm được 02 người con chung. Từ khi ông M về chung sống lại với bà đến nay, thì ông M không có quay về sống chung lại với bà P thời gian nào và cũng không có lui tới thăm mon, chăm sóc gì các con bà P.

Về quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông M thì bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Đồng thời, do ông M lớn tuổi bị bệnh không tiện đi lại nên đề nghị cho bà và ông M xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Khương Thị P yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông M; bị đơn ông Dương Văn M vắng mặt không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh phát biểu: Về tố tụng; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ lúc thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khương Thị P, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Khương Thị P và Dương Văn M. Về con chung: không yêu cầu Tòa án xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí nguyên đơn được miễn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Khương Thị P khởi kiện ông Dương Văn M có địa chỉ khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; bà P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà và ông M, căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án thụ lý và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông M và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đ; đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần hoặc xin vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật tại Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét, về quan hệ hôn nhân: Qua quá trình xác minh tại địa phương và lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có cơ sở xác định như sau:

Vào năm 1981, ông Dương Văn M và bà Mai Thị Đ có tổ chức đám và chung sống như vợ chồng. Sau đó, gia đình ông M kêu ông M về nhà cưới vợ khác, nên khoảng năm 1982 ông M quay về nhà để cưới thêm bà Khương Thị P, lúc này ông M và bà Đ đã có một con chung tên Dương Văn H (sinh năm 1983). Sau khi cưới, ông M và bà P sinh được người con lớn tên Nguyễn Hoàng V (sinh năm 1984), đến khi mang bầu con thứ hai Nguyễn Chí T (sinh năm 1986) thì phát sinh mâu thuẫn và sau khi sinh T được vài tháng thì ông M bỏ nhà đi và

quay về chung sống lại với bà Mai Thị Đ. Sau đó, ông M và bà Đ sinh thêm hai người con chung Dương Thị T1 (sinh năm 1988) và Dương Thị T2 (sinh năm 1990) và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang vào ngày 01/4/2010.

Xét, về quan hệ hôn nhân giữa ông Dương Văn M và bà Khương Thị P, mặc dù có tổ chức lễ cưới và chung sống vợ chồng vào khoảng năm 1982 nhưng đến năm 1986 (khoảng 4-5 năm) thì phát sinh mâu thuẫn, ông M đã bỏ đi luôn và không còn liên lạc gì với bà P và không về thăm mon, chăm sóc con chung. Nên trên thực tế từ năm 1986, thì nghĩa vụ vợ chồng giữa ông M và bà P đã không còn, quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà P đã chấm dứt. Đồng thời, trước khi xác lập quan hệ hôn nhân với bà P, thì ông M đã xác lập quan hệ hôn nhân thực tế với bà Đ từ năm 1981 có con chung, đến năm 1986 tiếp tục quay về chung sống với bà Đ đến nay có thêm 02 con chung và tài sản chung; ông M, bà Đ đã tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Do đó, ông M và bà P chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và không đủ điều kiện để công nhận quan hệ hôn nhân thực tế. Nay tại phiên tòa, bà P yêu cầu giải quyết không công nhận vợ chồng giữa bà và ông M là phù hợp theo quy định nên được chấp nhận theo Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà P khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà P khai không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh là có căn cứ và đúng quy định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà P do là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khương Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Khương Thị P và ông Dương Văn M.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà P được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn Miền và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND TP. Vị Thanh;
- Cơ quan THADS TP. Vị Thanh;
- UBND phường IV, Tp Vị Thanh;
- UBND xã Vĩnh Tuy, Gò Quao, Kiên Giang
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Phương**